

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 434/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/9/2023

V/v tranh chấp: “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc An.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Thúy.

2. Ông Trương Văn Hơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 434/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 về việc tranh chấp “Chia tài sản chung sau khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 456/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Đoàn Văn Đ, sinh năm 1956.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1972.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đoàn Văn H, sinh năm 1979.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp I, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/02/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ trình bày:

Căn cứ vào bản án số 20/2021/HNGĐ-PT ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc ly hôn giữa ông Đ và bà Nguyễn Thị Kim P. Ông Đ và bà P thỏa thuận không thành việc phân chia tài sản do tài sản vợ chồng mua trước đây. Tài sản chung là giấy chứng nhận QSDĐ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 77, diện tích 971,7m², loại đất chuyên trồng lúa nước do UBND huyện G cấp ngày 24/7/2014 cho ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P, đất tọa lạc tại ấp I, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Nay ông Đ yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là QSDĐ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 77, diện tích 971,7m², loại đất chuyên trồng lúa nước do UBND huyện G cấp ngày

24/7/2014 cho ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P, mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất, ông xin lấy phần đất có diện tích 485,85m² để chăn nuôi và để ở.

*** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung của ông Đoàn Văn Đ.**

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn H trình bày:**

Anh là người thuê phần đất đang tranh chấp giữa ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P được 7,8 năm nay để trồng lúa. Nay ông Đ và bà P yêu cầu chia đôi anh không có ý kiến gì và ông Đ và bà P có yêu cầu trả đất thì anh H sẽ trả lại đất cho ông Đ và bà P, không yêu cầu bồi thường gì và cũng không khiếu nại gì về sau. Do bận công việc nên anh H xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử sơ thẩm và phúc thẩm.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 57, 58, 60, 62 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn Đ; đề nghị chia thửa đất số 243, tờ bản đồ số 77, diện tích 971,7m² (đo đạc thực tế là 971,7m²), loại đất chuyên trồng lúa nước do UBND huyện G cấp ngày 24/7/2014 cho ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P, mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất (có sơ đồ kèm theo); ông Đ và bà P phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đoàn Văn Đ có đơn yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim P, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình – bị đơn có địa chỉ tại ấp H, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P vắng mặt tại phiên tòa và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn H có đơn xin vắng mặt, do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà P và anh H.

[3] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia tài sản chung là QSDĐ thửa đất số 243, tờ bản đồ số 77, diện tích 971,7m², loại đất chuyên trồng lúa nước do UBND huyện G cấp ngày 24/7/2014 cho ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P, mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất, xin lấy phần đất có diện tích 485,85m².

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 590539, thửa đất 243, tờ bản đồ số 77, đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 971,7m² (đo đạc thực tế là 971,7m²), số vào sổ cấp GCN CH02439 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P ngày 24/7/2014, theo ý kiến của ông Đ cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ xác định thửa đất 243, tờ bản đồ số 77, tọa lạc tại ấp I, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P theo quy định tại Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Căn cứ bản án phúc thẩm số 20/2021/HNGĐ-PT ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang thì ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P1 đã ly hôn và tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nhưng không thỏa thuận được về việc chia tài sản chung sau ly hôn. Nay ông Đ yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn là phù hợp với các quy định tại Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không nộp bản tự khai, vắng mặt tại các phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa, xem như từ bỏ quyền lợi của mình.

[7] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đoàn Văn H là người thuê phần đất đang tranh chấp giữa ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P được 7,8 năm nay để trồng lúa. Nay ông Đ và bà P yêu cầu chia đôi anh không có ý kiến gì và ông Đạt và bà P có yêu cầu trả đất thì anh H sẽ trả lại đất cho ông Đ và bà P, không yêu cầu bồi thường gì và cũng không khiếu nại gì về sau.

[8] Đối với các chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm chi phí đo đạc, định giá, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, ông Đoàn Văn Đ tự nguyện chịu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[10] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm về phần tài sản được chia. Tại thời điểm khởi kiện, nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ đã 60 tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, nên được miễn án phí theo quy định tại điểm d Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do đó ông Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 158, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 213, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 33, Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn Đ.

- Xác định quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 590539, thửa đất 243, tờ bản đồ số 77, đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 971,7m²

(đo đạc thực tế là 971,7m²), số vào sổ cấp GCN CH02439 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P ngày 24/7/2014 là tài sản chung của ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P.

- Giao ông Đoàn Văn Đ được quản lý, sử dụng diện tích đất 485,9m² là một phần trong tổng diện tích đất 971,7m² (đo đạc thực tế là 971,7m²) tại ấp I, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 590539, thửa đất 243, tờ bản đồ số 77, đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 971,7m² (đo đạc thực tế là 971,7m²), số vào sổ cấp GCN CH02439 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P ngày 24/7/2014; đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Kim P.
- + Phía Tây giáp đất ông Phùng Văn M.
- + Phía Nam giáp đường bê tông.
- + Phía Bắc giáp đất ông Đoàn Văn Ở.

(Cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, có sơ đồ kèm theo).

- Giao bà Nguyễn Thị Kim P được quản lý, sử dụng diện tích đất 485,8m² là một phần trong tổng diện tích đất 971,7m² (đo đạc thực tế là 971,7m²) tại ấp I, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số B0 590539, thửa đất 243, tờ bản đồ số 77, đất chuyên trồng lúa nước, diện tích 971,7m² (đo đạc thực tế là 971,7m²), số vào sổ cấp GCN CH02439 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp cho ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P ngày 24/7/2014; đất có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp đất bà Nguyễn Thị Xuân K.
- + Phía Tây giáp đất ông Đoàn Văn Đ.
- + Phía Nam giáp đất đường bê tông.
- + Phía Bắc giáp đất ông Đoàn Văn Ở.

(Cùng toàn bộ tài sản gắn liền với đất, có sơ đồ kèm theo).

Ông Đoàn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Kim P có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Đoàn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Kim P và anh Đoàn Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Quốc An